

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 415/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 446/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 502/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 331/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú hiện nay: **Nhật Bản**.

Người được chị T ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà G phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1988;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú hiện nay: **Nhật Bản**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Dương Đăng L**, sinh năm 1967; địa chỉ: KDC H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1956; địa chỉ: Nhà số F, ngõ C, KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K (nay là phường A, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 22/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ, không tôn trọng nhau, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của nhau. Năm 2019 chị đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Năm 2023 anh M cũng sang làm việc tại Nhật Bản, vợ chồng không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi. Sau nhiều năm sống ly thân tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/11/2013; Nguyễn Thị Vân A1, sinh ngày 27/5/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/9/2018. Chị T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1, đề nghị giao cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo N cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên kia. Trong thời gian chị T, anh M không có mặt tại Việt Nam, chị T ủy quyền cho bố đẻ là ông Dương Đăng L thay chị chăm sóc con chung Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho đến khi chị về nước, chị nhất trí giao con Nguyễn Bảo N cho bà Đỗ Thị L1 chăm sóc cho đến khi anh M về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Nhật Bản, chị ủy quyền cho anh Phạm Văn H thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh M nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh M. Bà Đỗ Thị L1 (là mẹ đẻ anh M) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh M ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh M vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh M biết. Anh M có quan điểm không mong muốn vợ chồng ly hôn, nhưng chị T cương quyết xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh nhất

trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày là đúng, anh nhất trí để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo N cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên kia. Trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí việc chị T ủy quyền cho ông Dương Đăng L chăm sóc con chung Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho đến khi chị T về nước. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Đỗ Thị L1 chăm sóc con chung Nguyễn Bảo N cho đến khi anh về nước. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Dương Đăng L là bố đẻ chị T và bà Đỗ Thị L1 là mẹ đẻ anh M trình bày: Ông L nhất trí có trách nhiệm chăm sóc cháu Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho đến khi chị T về nước. Bà L1 nhất trí có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N cho đến khi anh M về nước. Ông, bà không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi các cháu.

Con chung của chị T, anh M là cháu Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 có nguyện vọng được ở với chị T và ông L.

Người được chị T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Phạm Văn H trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị T, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị T biết, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn M; về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Bảo N cho anh M chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; tạm giao cháu Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho ông Dương Đăng L chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bảo N cho Bà Đỗ Thị L1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T, anh M về nước. Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn M có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện chị T và anh M đang lao động, sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh M. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh M cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà L1 là mẹ đẻ anh M để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh M, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà L1 vẫn liên lạc với anh M và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh M. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K (nay là phường A, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 22/5/2013 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị T và anh M đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ, không tôn trọng nhau, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh M.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị T và anh M là cháu Nguyễn Văn A và cháu Nguyễn Thị Vân A1 đang ở với ông ngoại là ông Dương Đăng L, cháu Nguyễn Bảo N đang ở với bà nội là bà Đỗ Thị L1. Chị T và anh M thống nhất để chị T nuôi hai con là Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1, để anh M nuôi con Nguyễn Bảo N đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi); chị T, anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị T, anh M không có mặt ở Việt Nam, anh chị thống nhất giao con chung Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho ông Dương Đăng L chăm sóc, nuôi dưỡng;

giao con chung Nguyễn Bảo N cho bà Đỗ Thị L1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T, anh M về nước. Ông L và bà L1 nhất trí thay chị T, anh M chăm sóc các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Bảo N cho anh M chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chị T, anh M không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho ông L; tạm giao cháu Nguyễn Bảo N cho bà L1 chăm sóc cho đến khi chị T, anh M về nước.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh M cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T, xử cho chị Dương Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/11/2013 và Nguyễn Thị Vân A1, sinh ngày 27/5/2015; giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/9/2018 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị Vân A1 cho ông Dương Đăng L chăm sóc cho đến khi chị T về nước; tạm giao cháu Nguyễn Bảo N cho bà Đỗ Thị L1 chăm sóc cho đến khi anh M về nước.

Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005136 ngày 01 tháng 10 năm 2024

của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, ông Dương Đăng L và bà Đỗ Thị L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu